****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN :2023/BKHCN**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**

**VỀ THIẾT BỊ ĐIỆN DÙNG CHO LẮP ĐẶT ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH VÀ HỆ THỐNG LẮP ĐẶT TƯƠNG TỰ**

***National technical regulation on electrical equipment for household electrical installations and similar installations***

**HÀ NỘI – 2023**

**Lời nói đầu**

*QCVN :2023/BKHCN do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số .../TT-BKHCN ngày ... tháng ... năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.*

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**

**VỀ THIẾT BỊ ĐIỆN DÙNG CHO LẮP ĐẶT ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH VÀ HỆ THỐNG LẮP ĐẶT TƯƠNG TỰ**

***National technical regulation on electrical equipment for household electrical installations and similar installations***

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định các yêu cầu về an toàn và các yêu cầu về quản lý đối với các thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự được quy định trong các Danh mục tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này (sau đây gọi tắt là Danh mục thiết bị điện).

Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự là thiết bị điện được sử dụng để lắp đặt trong hệ thống điện của nhà ở và các công trình dân dụng tương tự khác như cửa hàng, trang trại….

Các loại thiết bị điện sau không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này

* Các thiết bị điện phòng nổ quy định tại Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;
* Dây và cáp điện được thiết kế để dùng trong các ứng dụng khác với lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự như dây và cáp điện dùng trong điều khiển, truyền dẫn tín hiệu; dùng lắp trong thiết bị; dùng lắp trên phương tiện giao thông; dùng lắp trên các công trình trên biển hoặc các loại dây và cáp điện chuyên dùng sử dụng trong các ứng dụng công nghiệp;
* Dây điện không có cách điện;
* Dây và cáp điện được sản xuất theo yêu cầu kỹ thuật riêng của các công ty điện lực để dùng lắp đặt trên lưới điện phân phối thuộc các công ty điện lực quản lý.
* Các loại ổ cắm điện, phích cắm điện, bộ chuyển đổi ổ cắm, bộ dây nguồn nối dài, công tắc điện, Áptômát được thiết kế để dùng trong công nghiệp;
* Ổ cắm điện, phích cắm điện, bộ chuyển đổi ổ cắm, bộ dây nguồn nối dài có dòng điện danh định lớn hơn 32 A;
* Công tắc điện có dòng điện danh định lớn hơn 16 A;
* Áptômát có dòng điện danh định lớn hơn 63 A;
* Các thiết bị điện không thuộc phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

## Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thiết bị điện, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

### Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh: Tổ chức, cá nhân thực hiện việc sản xuất, nhập khẩu, bán thiết bị điện.

### Thiết bị điện: Dây điện, cáp điện và thiết bị điện thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

### IEC Test Report Form: Biểu mẫu kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn IEC được sử dụng trong hệ thống các chương trình đánh giá sự phù hợp được thiết kế bởi Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IECEE CB Scheme).

# QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Thiết bị điện phải phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật sau:

## Yêu cầu về ghi nhãn

Thiết bị điện phải được ghi nhãn phù hợp với quy định hiện hành của Việt Nam và các quy định về ghi nhãn trong các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

## Yêu cầu về an toàn

Thiết bị điện phải phù hợp với các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

## Quy định về điều kiện khí hậu

Khi tiến hành thử nghiệm, đánh giá kết quả thử nghiệm đối với các thiết bị điện có liên quan đến điều kiện khí hậu thì áp dụng điều kiện khí hậu nhiệt đới.

## Quy định bổ sung đối với dây và cáp điện

a) Đối với các dây, cáp điện bọc cách điện được thiết kế để có thể dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự, có điện áp danh định từ 50V đến 1000V, nhưng được sản xuất theo tiêu chuẩn khác với các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) quy định trong Danh mục thiết bị điện thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng. Tiêu chuẩn công bố phải là tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc gia của các nước.

Tiêu chuẩn công bố tối thiểu phải bao gồm các chỉ tiêu cơ bản sau:

 - Điện trở một chiều của ruột dẫn;

- Chiều dày vỏ bọc và chiều dày cách điện;

- Điện trở cách điện;

- Độ bền điện áp;

- Thử kéo trước và sau lão hóa của cách điện và vỏ bọc.

**CHÚ THÍCH:** Các dây, cáp điện được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn quốc gia của các nước mà tiêu chuẩn này hoàn toàn tương đương (IDENTICAL) hoặc tương đương có sửa đổi (MODIFIED) so với TCVN tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện thì không được áp dụng quy định tại Điều 2.4 và phải công bố hợp quy theo quy định tại Điều 3.3.1 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

b) Ghi nhãn trên dây và cáp điện phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau:

- Phải nêu xuất xứ và dấu hiệu nhận biết dây và cáp bao gồm cấp điện áp, vật liệu ruột dẫn và cách điện, tiết diện và ký hiệu mã/chủng loại;

- Nội dung ghi nhãn phải không dễ tẩy xóa, rõ ràng và dễ phân biệt;

- Khoảng cách giữa các điểm bắt đầu của lần ghi nhãn này đến điểm bắt đầu của lần ghi nhãn tiếp theo phải theo quy định của tiêu chuẩn công bố. Nếu tiêu chuẩn không quy định, khoảng cách này không được lớn hơn 1 000 mm, hoặc khoảng cách giữa điểm kết thúc của một lần ghi nhãn hoàn chỉnh và điểm bắt đầu của lần ghi nhãn tiếp theo không vượt quá 550 mm.

Ngoài ra, ghi nhãn phải tuân thủ quy định tại Điều 2.1.

# QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

## Thiết bị điện sản xuất trong nước phải được công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này và được gắn dấu hợp quy (dấu CR) trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

## Thiết bị điện nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa thông qua việc xem xét hoạt động công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này và được gắn dấu hợp quy (dấu CR) trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

## Công bố hợp quy

### Việc công bố hợp quy cho thiết bị điện, ngoại trừ các loại dây và cáp điện được nêu tại Điều 2.4, phải dựa trên kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật.

### Việc công bố hợp quy cho các loại dây và cáp điện được nêu tại Điều 2.4 dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

### Thực hiện công bố hợp quy cho thiết bị điện sản xuất trong nước theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

### Thực hiện công bố hợp quy cho thiết bị điện nhập khẩu theo quy định tại khoản 2a (đối với các loại dây và cáp điện được nêu tại Điều 2.4) và khoản 2b (đối với các thiết bị điện còn lại) bổ sung Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) tại khoản 3, Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 74/2018/NĐ-CP) và khoản 1, Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

## Chứng nhận hợp quy

### Phương thức đánh giá sự phù hợp

Các phương thức đánh giá sự phù hợp làm cơ sở cho việc công bố hợp quy được quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

#### Phương thức đánh giá sự phù hợp đối với thiết bị điện quy định tại Phụ lục 1 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này

**a)** Đối với thiết bị điện sản xuất trong nước, áp dụng phương thức đánh giá sự phù hợp là chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 (Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất) tại cơ sở sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất không thể áp dụng các yêu cầu đảm bảo chất lượng theo Phương thức 5 thì phải chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7 (Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm hàng hóa) cho từng lô sản phẩm.

**b)** Đối với thiết bị điện nhập khẩu, áp dụng phương thức đánh giá sự phù hợp là chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7 đối với từng lô thiết bị điện nhập khẩu. Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu có yêu cầu chứng nhận tại cơ sở sản xuất của nước xuất khẩu thì áp dụng chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5.

#### Phương thức đánh giá sự phù hợp đối với thiết bị điện quy định tại Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này

Áp dụng phương thức đánh giá sự phù hợp là chứng nhận hợp quy theo Phương thức 1 (Thử nghiệm mẫu điển hình).

### Hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy

Hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7 chỉ có giá trị đối với lô hàng đã được chứng nhận hợp quy.

Giấy chứng nhận hợp quy theo Phương thức 1 hoặc Phương thức 5 có hiệu lực không quá 3 năm kể từ ngày phát hành Giấy chứng nhận.

### Quy định về giám sát sau chứng nhận

Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận theo phương thức 5, tổ chức chứng nhận phải tiến hành đánh giá giám sát định kỳ với tần suất không quá 12 tháng/1 lần hoặc đánh giá giám sát đột xuất khi có khiếu nại hoặc khi phát hiện hàng hóa trên thị trường có vấn đề về chất lượng.

Trong thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận theo phương thức 1, khi có khiếu nại hoặc khi phát hiện hàng hóa trên thị trường có vấn đề về chất lượng, tổ chức chứng nhận phải tiến hành đánh giá giám sát đột xuất bằng cách lấy mẫu tại kho của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoặc lấy mẫu trên thị trường và tiến hành thử nghiệm lại trên các mẫu này để có kết luận về vấn đề chất lượng của sản phẩm đã được chứng nhận.

### Quy định về đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận

Trong trường hợp có bằng chứng về sự không phù hợp của sản phẩm thông qua đánh giá giám sát định kỳ, đột xuất hoặc tổ chức, cá nhân yêu cầu chứng nhận hợp quy không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2, Điều 49 của Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, tùy theo mức độ vi phạm, tổ chức chứng nhận thực hiện các biện pháp xử lý thích hợp như đình chỉ giấy chứng nhận với thời gian đình chỉ không quá 3 tháng hoặc hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận.

Khi bị đình chỉ, tổ chức, cá nhân vi phạm phải dừng đưa ra thị trường các sản phẩm đã bị đình chỉ, phải có biện pháp xử lý thích hợp đối với các sản phẩm không phù hợp đã lưu thông trên thị trường và khắc phục các nội dung vi phạm. Nếu quá thời gian đình chỉ mà tổ chức, cá nhân vi phạm không hoàn tất việc khắc phục các nội dung vi phạm thì tổ chức chứng nhận xem xét thực hiện biện pháp hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận.

Khi bị hủy bỏ hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận, tổ chức, cá nhân vi phạm phải dừng đưa ra thị trường sản phẩm đã bị thu hồi Giấy chứng nhận và phải có biện pháp xử lý thích hợp đối với toàn bộ các sản phẩm không phù hợp đã lưu thông trên thị trường.

### Quy định về thử nghiệm

#### Thử nghiệm phục vụ chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận, tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân phải được thực hiện tại tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP hoặc được thừa nhận theo quy định tại Điều 3.5 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

#### Kết quả thử nghiệm điển hình phải có hình thức theo IEC Test Report Form hoặc phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau:

* Đầy đủ các chỉ tiêu thử nghiệm điển hình theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này;
* Các ảnh màu chụp bên ngoài, bên trong và nhãn của sản phẩm. Ảnh chụp phải thể hiện được hình dạng, kết cấu, phân bố linh kiện và chi tiết của các linh kiện, bộ phận quan trọng đối với sự an toàn của sản phẩm;
* Danh mục các linh kiện chính (nếu sản phẩm có sử dụng) thể hiện rõ tên linh kiện, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật, dấu chứng nhận in trên linh kiện và số giấy chứng nhận phù hợp đã cấp cho linh kiện này (nếu có).

## Nguyên tắc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp

### Tổ chức chứng nhận xem xét và thừa nhận các kết quả đánh giá sự phù hợp do các tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài đã được Việt Nam thừa nhận trong khuôn khổ các hiệp định, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau mà Việt Nam đã ký kết.

### Tổ chức chứng nhận có thể ký kết thỏa thuận thừa nhận kết quả thử nghiệm hoặc sử dụng tổ chức thử nghiệm nước ngoài có đủ năng lực thực hiện các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này nếu tổ chức thử nghiệm đó có đủ năng lực và đáp ứng các quy định tại tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 trong phạm vi thừa nhận.

Việc ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau phải được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các Hiệp định và Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp.

### Tổ chức chứng nhận có thể xem xét sử dụng kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm nước ngoài để phục vụ chứng nhận. Tổ chức thử nghiệm nước ngoài có kết quả thử nghiệm được sử dụng phải được các tổ chức công nhận là thành viên của APAC hoặc ILAC công nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025. Phạm vi được công nhận của tổ chức thử nghiệm nước ngoài phải bao gồm các tiêu chuẩn và sản phẩm nêu trong kết quả thử nghiệm được sử dụng.

### Tổ chức chứng nhận được phép xem xét thừa nhận, sử dụng các kết quả thử nghiệm theo các phiên bản tiêu chuẩn mới hơn so với các phiên bản tiêu chuẩn quy định trong Danh mục thiết bị điện.

### Định kỳ mỗi quý, tổ chức chứng nhận phải gửi báo cáo về việc thừa nhận, sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để theo dõi và quản lý. Khi cần thiết Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng sẽ tổ chức kiểm tra việc thừa nhận, sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp.

### Khi thừa nhận, sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài, tổ chức chứng nhận phải chịu trách nhiệm về việc thừa nhận, sử dụng này.

# TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

## Trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp

a) Thực hiện đánh giá sự phù hợp theo đúng các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này và thực hiện các nghĩa vụ báo cáo về kết quả hoạt động đánh giá chứng nhận hợp quy đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo các quy định hiện hành.

b) Phải lưu trữ hồ sơ đánh giá sự phù hợp ít nhất mười (10) năm kể từ ngày hết hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đối với phương thức 1, phương thức 5 và từ ngày phát hành của giấy chứng nhận đối với phương thức 7.

## Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải có trách nhiệm:

a) Cung cấp cho tổ chức chứng nhận các tài liệu kỹ thuật của thiết bị điện để phục vụ cho việc thử nghiệm điển hình và chứng nhận hợp quy khi có yêu cầu.

b) Cung cấp cho tổ chức chứng nhận các thông tin để thể hiện trên giấy chứng nhận như tên nhà sản xuất, địa chỉ nhà sản xuất và các thông số danh định của sản phẩm. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này.

c) Công bố tiêu chuẩn áp dụng và tự đánh giá sự phù hợp đối với thiết bị điện là đối tượng quy định tại Điều 2.4. Việc thử nghiệm phục vụ tự đánh giá sự phù hợp phải thực hiện tại tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định tại Điều 3.4.5.1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

d) Đảm bảo các thiết bị điện được sản xuất, nhập khẩu và đưa ra lưu thông trên thị trường phải có kết cấu, linh kiện phù hợp với hồ sơ đã công bố hợp quy.

đ) Đảm bảo các thiết bị điện phải được công bố hợp quy và gắn dấu hợp quy (CR) trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

e) Thu hồi các thiết bị điện đã lưu thông trên thị trường, chịu các hình thức xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật khi phát hiện hàng hóa không phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật này và gây mất an toàn do lỗi của nhà sản xuất, kinh doanh.

g) Tổ chức, cá nhân thực hiện công bố hợp quy, lưu trữ hồ sơ công bố hợp quy và hồ sơ kỹ thuật của thiết bị điện đã được công bố hợp quy ít nhất mười (10) năm kể từ ngày sản phẩm xuất xưởng hoặc nhập khẩu.

## Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước được quy định tại Điều 17 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

## Trường hợp các tiêu chuẩn được viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này có sự thay đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

## Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này có sự thay đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định pháp luật mới.

## Trường hợp các mã HS của Danh mục thiết bị điện quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này có sự thay đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định mới tại Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## Trường hợp Việt Nam tham gia, ký kết các hiệp định song phương hoặc đa phương thì thực hiện theo các quy định tại các hiệp định đó./.

**PHỤ LỤC 1**

**Danh mục các thiết bị điện phải chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 hoặc phương thức 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Mã hàng (HS)** | **Tiêu chuẩn áp dụng** |
|  | Cáp cách điện bằng PVC có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V, loại cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định; | 85444941 | TCVN 6610-1:2014(IEC 60227-1:2007)TCVN 6610-3:2000(IEC 227-3:1997) |
|  | Cáp cách điện bằng PVC có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V, loại cáp có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định | 85444941 | TCVN 6610-1:2014(IEC 60227-1:2007)TCVN 6610-4:2000(IEC 227-4:1992 Adm.1:1997) |
|  | Cáp cách điện bằng PVC có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V, loại cáp mềm (Dây mềm) | 85444941 | TCVN 6610-1:2014(IEC 60227-1:2007)TCVN 6610-5:2014IEC 60227-5:2011 |
|  | Áptômát bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự dòng điện danh định không quá 63 A | 8536201185362012853620138536209185362099 | TCVN 6434-1:2018(IEC 60898-1:2015) |
|  | Áptômát tác động bằng dòng dư, có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) dòng điện danh định không quá 63 A | 85365020 | TCVN 6951-1:2007(IEC 61009-1:2003) |

***Ghi chú:***

*Không bao gồm chỉ tiêu thử nghiệm ngắn mạch đối với MCB, RCBO, RCCB và chỉ tiêu thử nghiệm tính kháng Ôzôn đối với dây và cáp điện.*

**PHỤ LỤC 2**

**Danh mục các thiết bị điện phải chứng nhận hợp quy theo phương thức 1**

| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Mã hàng (HS)** | **Tiêu chuẩn áp dụng** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Cáp cách điện bằng PVC có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V, loại cáp dùng cho thang máy và cáp dùng cho đoạn nối chịu uốn | 85444941 | TCVN 6610-1:2014(IEC 60227-1:2007)TCVN 6610-6:2011(IEC 60227-6:2001) |
|  | Cáp cách điện bằng cao su điện áp danh định đến và bằng 450/750 V, loại dây mềm và cáp mềm | 85444942 | TCVN 9615-1:2013(IEC 60245-1:2008)TCVN 9615-4:2013(IEC 60245-4:2011) |
|  | Cáp cách điện bằng cao su điện áp danh định đến và bằng 450/750 V, loại cáp dùng cho thang máy | 85444942 | TCVN 9615-1:2013(IEC 60245-1:2008)TCVN 9615-5:2013(IEC 60245-5:1994 Adm.1:2003) |
|  | Cáp cách điện bằng cao su điện áp danh định đến và bằng 450/750 V, loại cáp hàn hồ quang | 85444942 | TCVN 9615-1:2013(IEC 60245-1:2008)TCVN 9615-6:2013(IEC 60245-6:1994 Adm.1:1997 Adm.2:2003) |
|  | Cáp diện có cách điện PVC hoặc XLPE dạng đùn, điện áp danh định 0,6/1 kV | 85444941 | TCVN 5935-1:2013(IEC 60502-1:2009) |
|  | Ổ cắm điện dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A | 8536699285366999 | TCVN 6188-1:2007(IEC 60884-1:2002)TCVN 6188-2-3:2016(IEC 60884-2-3:2006)TCVN 6188-2-6:2016(IEC 60884-2-6:1997) |
|  | Phích cắm điện dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A  | 8536699285366999 | TCVN 6188-1:2007(IEC 60884-1:2002)TCVN 6188-2-1:2008(IEC 60884-2-1:2006) |
|  | Bộ chuyển đổi ổ cắm dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A | 8536699285366999 | TCVN 6188-1:2007(IEC 60884-1:2002)TCVN 6188-2-5:2016(IEC 60884-2-5:1995) |
|  | Bộ dây nguồn nối dài dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 32 A | 8536909485369099 | TCVN 6188-1:2007(IEC 60884-1:2002)TCVN 6188-2-7:2016(IEC 60884-2-7:2013) |
|  | Công tắc điện dùng trong gia đình có dòng diện danh định không vượt quá 16 A | 85365061 | TCVN 6480-1:2008(IEC 60669-1:2007) |
|  | Áptômát tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB) dòng điện danh định không quá 63 A | 85365020 | TCVN 6950-1:2007(IEC 61008-1:2006) |

***Ghi chú:***

*Không bao gồm chỉ tiêu thử nghiệm ngắn mạch đối với MCB, RCBO, RCCB và chỉ tiêu thử nghiệm tính kháng Ôzôn đối với dây và cáp điện.*

-